TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày 22-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Như Thoa

Ông Lưu Văn Viên

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thào - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS, ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Minh T, sinh ngày 02/02/1979 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Số 153, C3, khối 7, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Bản H và bà Nguyễn Thị H; có vợ Cao Thị O và 03 con; tiền án: có 01 tiền án; tiền sự: không; nhân thân: ngày 04/7/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2017 đến ngày 29/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Trần Văn X, sinh ngày 16/3/1986 tại xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị V; có vợ Hoàng Thị N và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2017 đến ngày 29/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Lê T1, sinh ngày 09/9/1977 tại xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Số 9A, đường T, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lái

xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lê P và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị Thúy H và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2017 đến ngày 29/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 20/12/1978 tại Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ 38, khu vực 6, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Mỹ H; có vợ Nguyễn Thị Thanh H và 01 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2017 đến ngày 29/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Cao Thành S, sinh ngày 30/10/1971 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khối 14, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân T và bà Phạm Thị T; có vợ Thái Thị Đ và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2017 đến ngày 29/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Văn G, sinh ngày 01/11/1976 tại L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Vũ Thị D; có vợ Trịnh Thị Q và 03 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2017 đến ngày 29/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Đậu Đức T2, sinh ngày 08/6/1986 tại C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn 2, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đậu Bá T và bà Nguyễn Thị T; có vợ Võ Thị O và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2017 đến ngày 29/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Bùi Văn Q, sinh ngày 12/12/1989 tại xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm 3, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ Nguyễn Thị M và 01 con sinh ngày 22/11/2017); tiền án; tiền sự: không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2017 đến ngày 29/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Phùng Văn T3 (tên gọi khác T3.1), sinh ngày 25/10/1984 tại L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn H và bà Dương Thị L; có vợ Nguyễn Thị Minh C

và 02 con; tiền án; tiền sự: không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2017 đến ngày 29/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng: Ông Trương Văn T4; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 26/9/2017, tại quán cơm Duy Mạnh của ông Trương Văn T4 thuộc khu Kéo Kham, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có Trịnh Minh T, Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H và Cao Thành S đều là lái xe tải đường dài nghỉ tại quán chờ lấy hàng nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam. Sau khi ăn cơm xong ngồi uống nước đã rủ nhau đánh bạc với hình thức chơi "xóc đĩa" được thua bằng tiền. Cụ thể: một người đứng ra cầm cái trực tiếp cầm bát, đĩa để xóc đi xóc lại nhiều lần rồi bỏ xuống chiếu bạc, người chơi đặt tiền xuống cửa chẵn hoặc lẻ, sau đó người cầm cái mở bát, nếu chẵn (hai mặt quân vị cùng màu hoặc 04 mặt quân vị cùng màu) thì người chơi đặt cược cửa chẵn sẽ thắng; nếu lẻ (được quy định là ba mặt quân vị cùng màu) thì người đặt cửa lẻ sẽ thắng, số tiền thắng cược tương ứng với số tiền người chơi tham gia đặt cược trước đó, trung bình mỗi ván đặt từ 50.000đ đến 200.000đ. Sau đó có thêm Đậu Đức T2, Nguyễn Văn G, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 cũng là lái xe đến cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ 05 phút cùng ngày khi các bị cáo đang đánh bạc trái phép thì bị Tổ công tác Công an Đồng Đăng – Công an huyện Cao Lộc phát hiện bắt quả tang, thu trên chiếu bạc số tiền 6.800.000đ và 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân bài vị và 01 chăn.

Khi tham gia đánh bạc Trịnh Minh T có 1.500.000đ, Trần Văn X có 1.800.000đ, Nguyễn Mạnh H có 470.000đ, Cao Thành S có 600.000đ, Đậu Đức T2 có 400.000đ, Nguyễn Lê T1 có 500.000đ, Nguyễn Văn G có 600.000đ, Bùi Văn Q có 330.000đ và Phùng Văn T3 có 600.000đ trên chiếu để tham gia đánh bạc.

Tại Kết luận giám định số 05/KLGĐ-PC54 ngày 02/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam trong gói niêm phong gửi giám định gồm 6.800.000đ là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc đã truy tố các bị cáo Trịnh Minh T, Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, Nguyễn Văn G, Đậu Đức T2, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 (T3.1) về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Minh T, Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, Nguyễn Văn G, Đậu Đức T2, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 phạm tội "đánh bạc".

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999), xử bị cáo Trịnh Minh T từ 6 đến 9 tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt 24 tháng tù của bản án số 240/2016/HSST ngày 04/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999) đối với Trần Văn X, xử phạt bị cáo Trần Văn X từ 4 đến 6 tháng tù giam;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999) đối với Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S và Đậu Đức T2, xử phạt các bị cáo Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, và Đậu Đức T2 từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng thử thách.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999), xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn G và Phùng Văn T3 (tức T3.1) từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm h, p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999), xử phạt bị cáo Bùi Văn Q từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đề nghị phạt tiền mỗi bị cáo từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.800.000đ; tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bát, đĩa bằng sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn bằng giấy và 01 (một) chăn. Đối với các vật chứng khác đã xử lý, đề nghị Hội đồng xét xử xác nhận.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 26/9/2017 tại quán cơm Duy Mạnh thuộc khu K, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn các bị cáo Trịnh Minh T, Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, Nguyễn Văn G, Đậu Đức T2, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 (T3.1) đã cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức "xóc đĩa". Đến khoảng 23 giờ 05 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an Đồng Đăng – Công an huyện Cao Lộc phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.800.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc gồm: Bị cáo Trịnh Minh T là 1.500.000đ, Trần Văn X là 1.800.000đ, Nguyễn Mạnh H là 470.000đ, Cao Thành S là 600.000đ, Đậu Đức T2 là 400.000đ, Nguyễn Lê T1 là 500.000đ, Nguyễn Văn G là 600.000đ, Bùi Văn Q là 330.000đ và Phùng Văn T3 là 600.000đ.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 26/9/2017; phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Trịnh Minh T, Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, Nguyễn Văn G, Đậu Đức T2, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 phạm tội đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc truy tố các bị cáo về tội "đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo gây ra không những vi phạm về quản lý hành chính của Nhà nước đã được pháp luật quy định mà còn ảnh hưởng đến trật tự an ninh tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình gây ra, nhằm để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Vụ án này có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, xét về tính chất vai trò tham gia đánh bạc của các bị cáo, thì bị cáo Trịnh Minh T là người giữ vai trò chính trực tiếp cầm cái để các bị cáo khác cùng tham đánh bạc, do vậy bị cáo Trịnh Minh T phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo còn lại cơ bản đều có vai trò ngang nhau, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương đương nhau.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Ngày 04/7/2016 Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt bị cáo Trịnh Minh T 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội "đánh bạc", lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm g khoản 1 Điều

48 Bộ luật Hình sự năm 1999). Các bị cáo Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, Nguyễn Văn G, Đậu Đức T2, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 không có tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trịnh Minh T có một tình tiết giảm nhẹ tại s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999) là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo Trịnh Minh T có bố đẻ là ông Trịnh Bản H được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba và là thương binh hạng 4/4 nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999).

[7] Các bị cáo Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, Nguyễn Văn G, Đậu Đức T2, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999). Bị cáo Bùi Văn Q trong thời gian tham gia quân đội được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua và giấy khen nên có thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm s khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999). Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn G có mẹ đẻ là bà Vũ Thị D được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì và bố đẻ là ông Nguyễn Văn L được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba; gia đình bị cáo Phùng Văn T3 có bố đẻ là Phùng Văn H được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang; gia đình bị cáo Bùi Văn Q là gia đình đang thờ cúng bác ruột Bùi Văn C là liệt sỹ trong kháng chiến chống Mỹ nên các bị cáo Nguyễn Văn G, Phùng Văn T3 (T3.1) và Bùi Văn Q được hưởng thêm được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999).

[8] Về nhân thân: Riêng bị cáo Trịnh Minh T đã có 01 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích. Các bị cáo còn lại đều là thành phần nhân dân lao động, không có tiền án, tiền sự nên xác định các bị cáo có nhân thân tốt. Xét thấy các bị cáo Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, Nguyễn Văn G, Đậu Đức T2, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 (T3.1) có nhân thân tốt, có nơi thường trú ổn định rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi cuộc sống xã hội mà để các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền để đảm bảo tính răn đe và giáo dục đối với các bị cáo.

[11] Về vật chứng: Đối với số tiền 6.800.000đ thu trên chiếu bạc, xét thấy đây là số tiền đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999) và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Đối với 01 (một) bộ bát, đĩa bằng sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn bằng giấy và 01 (một) chăn, xét thấy đây là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Đối với các vật chứng khác cơ quan điều tra đã xử lý, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[12] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 56; Điều 58 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 51; Điều 53 và khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999) đối với Trịnh Minh T;

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999) đối với Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S và Đậu Đức T2;

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999) đối với Nguyễn Văn G, Phùng Văn T3 (T3.1);

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (điểm h, p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999) đối với Bùi Văn Q;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố các bị cáo Trịnh Minh T, Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, Nguyễn Văn G, Đậu Đức T2, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 (tên gọi khác T3.1) phạm tội "Đánh bạc".

- Xử bị cáo Trịnh Minh T 07 (bảy) tháng tù giam, tổng hợp hình phạt 24 tháng tù của bản án số 240/2016/HSST ngày 04/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 31 (ba mươi mốt) tháng tù giam. Được trừ đi thời hạn bị tạm giữ là 09 ngày theo bản án số 240/2016/HSST ngày 04/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh và 03 ngày tạm giữ trong vụ án này, thời hạn tù còn lại là 30 tháng 18 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn X 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/3/2018).

Giao bị cáo Trần Văn X cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê T1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/3/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Lê T1 cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/3/2018).

Giao các bị cáo Nguyễn Mạnh H cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Cao Thành S 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/3/2018).

Giao bị cáo Cao Thành S cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/3/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Văn G cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Đậu Đức T2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/3/2018).

Giao bị cáo Đậu Đức T2 cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Phùng Văn T3 (tên gọi khác T3.1) 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/3/2018).

Giao bị cáo Phùng Văn T3 (tên gọi khác T3.1) cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/3/2018).

Giao bị cáo Bùi Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, Nguyễn Văn G, Đậu Đức T2, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 (tên gọi khác Tiệp) có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với các bị cáo Trịnh Minh T, Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, Nguyễn Văn G, Đậu Đức T2, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 (tên gọi khác T3.1) mỗi bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999) và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bát, đĩa bằng sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn bằng giấy và 01 (một) chăn.

(Hiện các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/02/2018)

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Trịnh Minh T, Trần Văn X, Nguyễn Lê T1, Nguyễn Mạnh H, Cao Thành S, Nguyễn Văn G, Đậu Đức T2, Bùi Văn Q và Phùng Văn T3 (tên gọi khác T3.1) mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;

- Công an huyện Cao Lộc;
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Phùng Đức Chính